

TỐI ƯU HÓA VIỆC GIẢNG DẠY CHỮ HÌNH THANH TRONG KỸ NGUYÊN SỐ: TỪ LÝ THUYẾT TRUYỀN THỐNG ĐẾN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Nghiêm Thị Thanh Tú¹, Đoàn Thị Thanh Hương¹

Email: ntttu@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.995

Tóm tắt: Nghiên cứu này hướng tới mục tiêu tối ưu hóa việc giảng dạy chữ Hình thanh - loại chữ chiếm tỷ lệ lớn nhất trong hệ thống chữ Hán nhưng lại gây nhiều khó khăn cho người học sơ cấp. Dựa trên phương pháp nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng, bài báo trước hết hệ thống hóa cơ sở lý luận về cấu tạo chữ Hình thanh, sau đó lược khảo các công trình liên quan để xác định khoảng trống nghiên cứu trong việc ứng dụng công nghệ. Kết quả nghiên cứu, dựa trên việc phân tích tính năng của hai ứng dụng tiêu biểu là Pleco và Anki, đã chứng minh vai trò của công nghệ trong việc giải quyết các thách thức cổ hữu. Cụ thể, Pleco hiệu quả trong việc trực quan hóa cấu trúc chữ, trong khi Anki là công cụ khoa học để củng cố kiến thức dài hạn. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một mô hình giảng dạy tích hợp công nghệ theo quy trình ba bước: Khám phá bằng Pleco, Phân tích trên lớp, và Củng cố bằng Anki. Mô hình này được kỳ vọng sẽ giúp người học không chỉ ghi nhớ mà còn thấu hiểu sâu sắc logic cấu tạo chữ, đồng thời kiến nghị giảng viên và các cơ sở đào tạo cần chủ động hơn trong việc xây dựng và chia sẻ các kho học liệu số.

Từ khóa: anki, chữ hình thanh, công nghệ giáo dục, giảng dạy tiếng trung, pleco

I. Đặt vấn đề

Hệ thống chữ Hán, với sự độc đáo và phức tạp của mình, luôn là một trong những thử thách lớn nhất đối với người học tiếng Trung Quốc, đặc biệt là ở giai đoạn sơ cấp. Trong đó, chữ Hình thanh, loại chữ được cấu tạo bởi hai thành phần là phần biểu thị ý nghĩa và phần biểu thị

âm đọc, chiếm một tỷ lệ vượt trội lên tới hơn 80%. Đây vừa là chìa khóa để giải mã chữ Hán nhưng cũng vừa là rào cản nếu không có phương pháp giảng dạy và học tập hiệu quả.

Thực tế giảng dạy và các khảo sát cho thấy, người học thường mắc phải các lỗi mang tính hệ thống như nhầm lẫn giữa

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

các thành phần biểu ý và biểu âm, dẫn đến việc đoán sai âm đọc, hiểu sai nghĩa và ghi nhớ chữ Hán một cách máy móc. Những khó khăn này không chỉ làm chậm quá trình học tập mà còn làm giảm đi sự hứng thú của người học đối với một ngôn ngữ giàu hình ảnh và logic.

Trong bối cảnh của kỷ nguyên số, những thách thức này đặt ra một yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Công nghệ không chỉ là xu hướng mà còn là công cụ mạnh mẽ có thể giải quyết các vấn đề trên. Bài báo này, dựa trên nền tảng nghiên cứu sâu về bản chất chữ Hình thanh, sẽ đề xuất một mô hình giảng dạy kết hợp, tối ưu hóa việc dạy và học loại chữ này bằng cách tích hợp các ứng dụng công nghệ hiện đại, qua đó đáp ứng trực tiếp yêu cầu của việc giảng dạy ngôn ngữ trong thời đại mới.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Cấu tạo và vai trò của chữ hình thanh

Nền tảng lý luận sơ khởi cho việc nghiên cứu cấu trúc chữ Hán là học thuyết “Lục thư” (六书), được hệ thống hóa một cách toàn diện bởi học giả Hứa Thận (许慎) trong công trình kinh điển *Thuyết văn giải tự* (说文解字) từ thời Đông Hán². Lý thuyết này đã phân loại sáu phương pháp cấu tạo chữ, bao gồm: Tượng hình, Chỉ sự, Hội ý, Hình thanh, Chuyển chú và Giả tá. Trong đó, Hình thanh (形声字) được xem là phương pháp có sức sống mạnh mẽ và hiệu quả nhất, giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành và phát triển hệ thống văn tự Trung Hoa. Theo các thống kê uy tín, loại chữ này chiếm một tỷ lệ áp đảo, lên

tới hơn 80% tổng số chữ Hán (DeFrancis, 1984)³, khẳng định vị thế trung tâm của nó trong việc dạy và học.

Cấu trúc của một chữ Hình thanh về bản chất là sự kết hợp tinh tế giữa hai thành phần mang chức năng riêng biệt:

- Phần biểu thị ý nghĩa (形旁): Đây là thành tố mang chức năng gợi ý về trường nghĩa của chữ, thường được thể hiện qua các bộ thủ. Vai trò của Hình bàng là định vị phạm trù ngữ nghĩa, giúp người học khoanh vùng và suy đoán ý nghĩa của một chữ lạ. Chẳng hạn, trong các chữ 江 (jiāng - sông), 河 (hé - sông), 湖 (hú - hồ), phần biểu thị ý nghĩa trong các chữ này đều là bộ 氵 (chấm thủy), trực tiếp gợi ý rằng ý nghĩa của chúng đều liên quan đến nước.

- Phần biểu thị âm đọc (声旁): Đây là thành tố mang chức năng gợi ý về âm đọc. Ví dụ, các chữ 请 (qǐng - mời), 晴 (qíng - nắng), 清 (qīng - trong) đều có chung phần biểu thị âm đọc là 青 (qīng). Mặc dù thanh điệu có thể biến đổi, nhưng cách phát âm cơ bản của ba chữ này đều có mối liên hệ mật thiết với âm của thanh bàng, tạo ra một quy luật âm thanh có tính hệ thống.

Sự kết hợp logic giữa hình và thanh không chỉ giúp chữ Hán trở nên hệ thống mà còn cung cấp một phương pháp luận hiệu quả cho việc học tập. Đối với người học, việc nắm vững nguyên tắc cấu tạo này sẽ tạo ra một “lối tắt” nhận thức: thay vì phải ghi nhớ hàng nghìn ký tự một cách rời rạc và máy móc, họ có thể dựa vào quy luật hình - âm để phân tích, suy đoán ý nghĩa và cách đọc của một chữ mới. Từ góc độ giảng dạy, việc tập trung vào chữ Hình thanh là nền tảng quan trọng để giúp

² Hứa Thận (许慎), *Thuyết văn giải tự* (说文解字) (1963)

³ DeFrancis, J. (1984). *The Chinese Language: Fact and Fantasy*. University of Hawaii Press.

người học phát triển năng lực nhận diện chữ và mở rộng vốn từ vựng một cách chủ động, từ đó hình thành tư duy logic về chữ Hán và tạo nền móng vững chắc cho các kỹ năng ngôn ngữ cao cấp hơn.

2.2. Lược khảo các nghiên cứu liên quan và khoảng trống nghiên cứu

Việc giảng dạy chữ Hình thanh từ lâu đã là một trọng tâm nghiên cứu của giới học thuật, với hai hướng tiếp cận chính: nghiên cứu bản chất ngôn ngữ học của chữ Hình thanh và nghiên cứu phương pháp giảng dạy từ góc độ nhận thức của người học.

Hướng thứ nhất tập trung vào việc phân tích các đặc điểm cấu trúc, thống kê và vai trò của các thành tố. Các công trình nền tảng như của Lý Yên, Khang Gia Thâm (李燕、康加深) và cộng sự (1992) đã cung cấp những số liệu thống kê kinh điển về tỷ lệ áp đảo của chữ Hình thanh, đồng thời đưa ra công thức tính toán độ biểu âm và biểu ý của các thành phần. Tiếp nối hướng đi này, các nghiên cứu sau này như của Hác Mỹ Linh & Thư Hoa (郝美玲、舒华, 2005) đã tiến hành phân loại chữ Hình thanh thành các nhóm quy tắc, bán quy tắc và bất quy tắc, giúp hệ thống hóa các quy luật để ứng dụng vào giảng dạy. Gần đây hơn, công trình của Lữ Kim Minh (吕金明, 2023) với nguồn dữ liệu lớn từ *Tân Hoa tự điển* đã chỉ ra thực trạng độ chính xác biểu âm của Thanh bảng trong tiếng Hán hiện đại không cao, một phần do sự biến đổi của ngữ âm và hình thể chữ Hán qua các thời kỳ.

Hướng thứ hai tập trung vào khía cạnh sư phạm và quá trình nhận thức của người học. Các nghiên cứu của Lý Nhụy (李蕊, 2005, 2008) đã đi sâu vào việc phân tích vai trò của Hình bảng và Thanh bảng trong quá trình học tập của sinh viên quốc

tế, qua đó đề xuất các chiến lược giảng dạy cụ thể, nhấn mạnh việc cần tăng cường chú trọng vào Thanh bảng. Tương tự, nghiên cứu của Khâu Tư Văn (邱思文, 2017) đã thực hiện một khảo sát thực tiễn trên giáo trình *Phát triển Hán ngữ*, chỉ ra các nhóm chữ có tần suất xuất hiện cao nhưng tỷ lệ lỗi cũng cao, từ đó đề xuất các chiến lược giảng dạy mang tính ứng dụng. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam, công trình của Nguyễn Thị Phương (2022) là một trong những nghiên cứu hiếm hoi tập trung trực tiếp vào quá trình phát triển nhận thức về Hình bảng của sinh viên Việt Nam, khẳng định vai trò của việc giảng dạy Hình bảng trong việc nâng cao hiệu quả học chữ Hán.

Tuy nhiên, qua việc lược khảo các công trình trên, có thể nhận thấy một số khoảng trống nghiên cứu nổi bật. Thứ nhất, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về phương pháp giảng dạy, nhưng phần lớn vẫn tập trung vào các chiến lược sư phạm truyền thống trong môi trường lớp học. Các giải pháp đề xuất vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của các công cụ hỗ trợ hiện đại. Thứ hai, và cũng là khoảng trống lớn nhất mà bài báo này tập trung giải quyết, đó là sự thiếu vắng các nghiên cứu kết nối giữa lý luận giảng dạy chữ Hình thanh với việc ứng dụng công nghệ và các nền tảng số. Trong bối cảnh kỷ nguyên số, việc bỏ qua vai trò của công nghệ trong việc giải quyết các thách thức cố hữu (như tính trừu tượng, sự nhầm lẫn, thiếu môi trường luyện tập) là một thiếu sót lớn. Do đó, nghiên cứu này sẽ kế thừa nền tảng lý luận đã có và tập trung vào việc đề xuất một mô hình giảng dạy tích hợp công nghệ, nhằm lấp đầy khoảng trống nghiên cứu hiện tại và nâng cao hiệu quả giảng dạy một cách thực chất.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, được triển khai theo ba giai đoạn chính nhằm đảm bảo tính hệ thống và độ tin cậy trong quá trình thu thập và xử lý dữ liệu.

Giai đoạn 1: Tổng hợp và phân tích tài liệu:

Giai đoạn đầu tập trung khảo cứu và tổng hợp các công trình lý luận kinh điển về chữ Hình thanh (形声字), tiêu biểu như học thuyết Lục thư của Hứa Thận, cùng các nghiên cứu đương đại liên quan đến đặc điểm cấu tạo, tần suất xuất hiện và giá trị sư phạm của chữ Hình thanh trong giảng dạy Hán ngữ. Mục tiêu của giai đoạn này là xác định các thách thức lý luận chủ yếu và khoảng trống nghiên cứu hiện hành trong việc vận dụng công nghệ vào giảng dạy chữ Hán.

Giai đoạn 2: Phân tích trường hợp điển hình

Trên cơ sở lý luận đã được xác lập, nghiên cứu lựa chọn và phân tích hai ứng dụng công nghệ tiêu biểu - Pleco và Anki - làm đối tượng nghiên cứu tình huống. Việc lựa chọn dựa trên ba tiêu chí:

(1) Tính phổ biến - cả hai ứng dụng đều được cộng đồng người học Hán ngữ quốc tế sử dụng rộng rãi;

(2) Tính đại diện - Pleco đại diện cho nhóm công cụ tra cứu và chiết tự trực quan, trong khi Anki đại diện cho nhóm công cụ ôn tập dựa trên nguyên lý lặp lại ngắt quãng

(3) Tính năng hỗ trợ chuyên biệt - cả hai đều cung cấp các chức năng phân tích cấu tự, flashcard, và luyện tập nhớ chữ Hán phù hợp với mục tiêu học tập.

Phân tích được tiến hành thông qua việc trải nghiệm thực tế, đối chiếu chức năng và đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu sư phạm đã được xác định ở Giai đoạn 1.

Giai đoạn 3: Xây dựng mô hình lý thuyết

Từ những phát hiện ở giai đoạn phân tích, nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình giảng dạy tích hợp ba bước, trong đó xác định rõ vai trò, vị trí và mối liên kết giữa các công cụ công nghệ trong tiến trình giảng dạy chữ Hình thanh. Mô hình này nhằm đề xuất một khung lý thuyết ứng dụng công nghệ phù hợp với bối cảnh giảng dạy Hán ngữ hiện đại, đồng thời gợi mở hướng nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

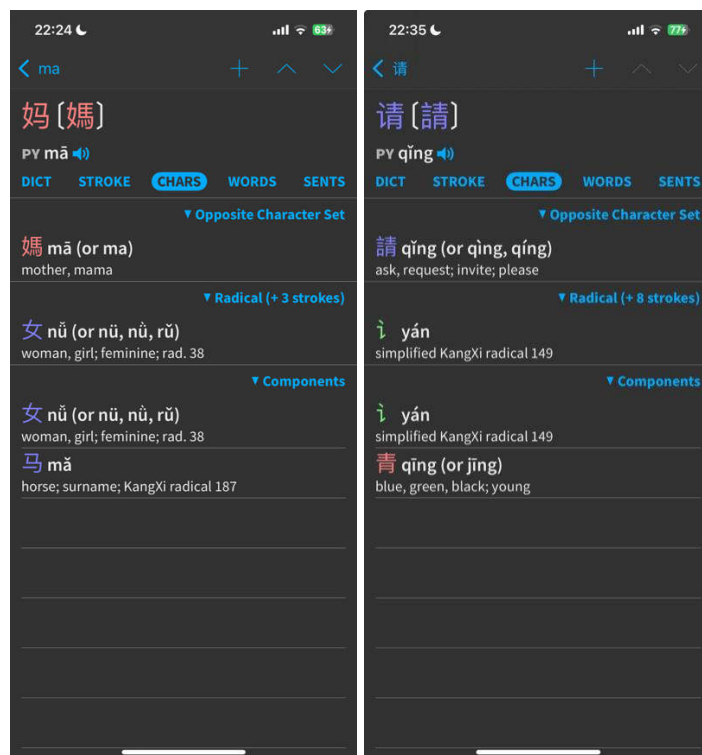
4.1. Kết quả phân tích các nền tảng công nghệ

Quá trình quan sát tham dự và phân tích tính năng cho thấy mỗi ứng dụng có một thế mạnh riêng, tương ứng với từng giai đoạn và mục tiêu của quá trình học chữ Hình thanh.

4.1.1. Pleco: Công cụ trực quan hóa và hệ thống hóa chữ Hình thanh

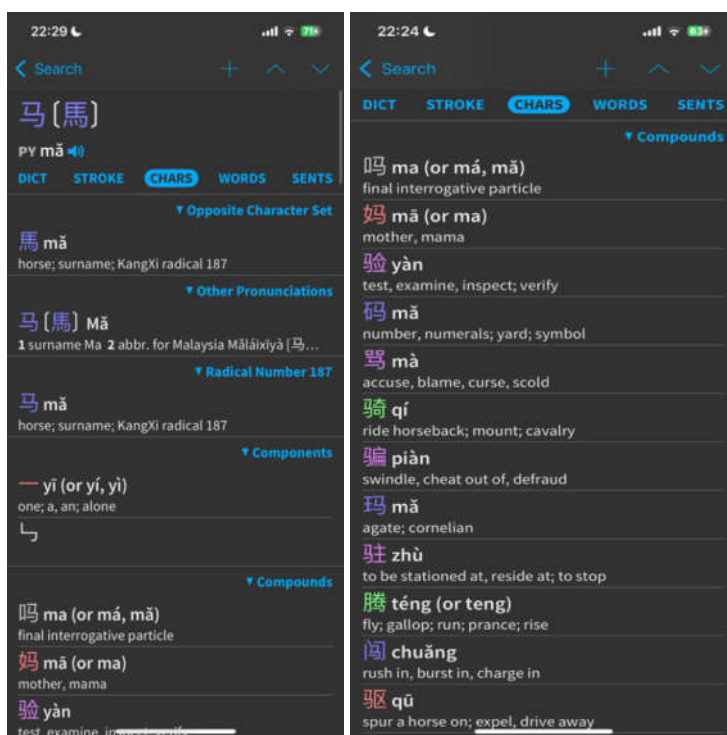
Pleco, với vai trò là một từ điển điện tử chuyên sâu, cung cấp hai tính năng cốt lõi hỗ trợ trực tiếp việc dạy và học chữ Hình thanh.

Thứ nhất, ứng dụng sở hữu tính năng phân tích chiết tự mạnh mẽ. Tính năng này đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết vấn đề "trừu tượng hóa" của chữ Hán. Khi tra một chữ, ví dụ chữ 妈 (mā), ứng dụng sẽ hiển thị rõ cấu tạo của chữ bao gồm phần biểu đạt ý nghĩa 女 (nữ), gợi ý ý nghĩa liên quan đến người phụ nữ/người mẹ, và phần biểu đạt âm thanh 马 (mǎ), gợi ý về âm đọc. Việc trình bày trực quan này giúp người học ngay lập tức hiểu được logic cấu tạo và mối liên hệ giữa hình, thanh, nghĩa của chữ, phá vỡ thói quen nhìn chữ như một khối hình ảnh tĩnh.



Hình 1. Pleco phân tích chữ “妈”, “请”

Thứ hai, Pleco cho phép người dùng tra cứu và hệ thống hóa các chữ có cùng bộ phận cấu thành. Đây là một tính năng cực kỳ hữu ích để học chữ Hán theo nhóm. Sau khi đã học một thành phần cơ bản, ví dụ như 马 (mǎ), người học có thể dùng nó làm từ khóa tìm kiếm. Kết quả sẽ trả về một danh sách các chữ Hán có chứa thành phần này, ví dụ như 吗 (ma), 妈 (mā), 骂 (mà)...



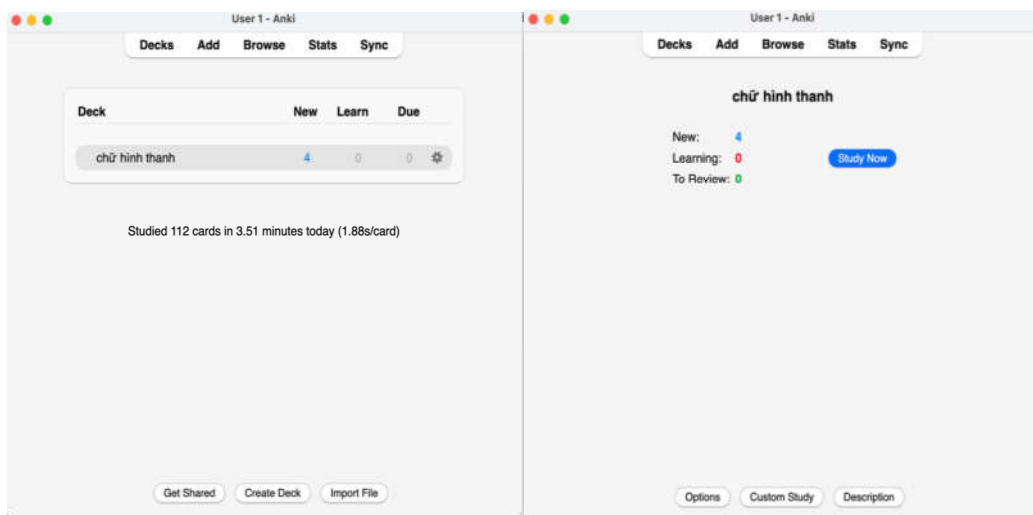
Hình 2. Pleco hiển thị các chữ Hán có chứa thành phần “马”

Tính năng này biến việc học từ thụ động sang chủ động. Người học không chỉ học từng chữ rời rạc mà còn có thể tự mình khám phá ra các "gia đình chữ Hán" có chung một phần biểu đạt cách đọc hoặc có chung một phần biểu đạt ý nghĩa. Bằng cách này, Pleco không chỉ là một công cụ tra cứu, mà còn là một phương tiện học tập mang tính khám phá, giúp người học hình thành tư duy hệ thống và tự mình nhận ra các quy luật cấu tạo của chữ Hình thanh.

4.1.2. Anki: Công cụ hệ thống hóa và củng cố kiến thức khoa học

Điểm mạnh cốt lõi của Anki nằm ở việc ứng dụng thuật toán lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition System - SRS). Công nghệ này giúp giải quyết thách thức về việc ghi nhớ kiến thức một cách hệ thống và dài hạn, thay vì học thuộc lòng một cách máy móc. Hiệu quả của Anki không đến từ việc lướt qua hàng trăm thẻ một cách thụ động, mà đến từ một quy trình học tập chủ động và có phương pháp.

Quy trình bắt đầu bằng việc người dùng tạo ra một "Bộ thẻ" (Deck) chuyên biệt cho việc học, ví dụ như bộ thẻ "Học chữ Hình thanh".



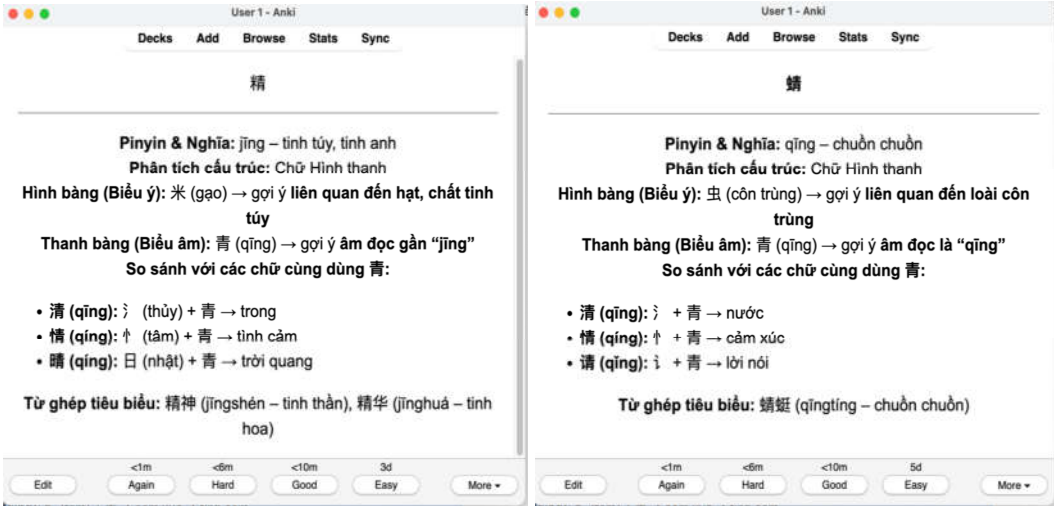
Hình 3. Giao diện bộ thẻ chuyên đề trên Anki

Chất lượng của quá trình học tập phụ thuộc vào chất lượng của từng "Thẻ học" (Card). Một thẻ học chữ Hình thanh hiệu quả sẽ có mặt trước chỉ hiển thị duy nhất chữ Hán, và mặt sau là một bản phân tích chi tiết về pinyin, nghĩa, cấu trúc, phân ý nghĩa và phần cách đọc.

Khi bắt đầu phiên học, Anki sẽ hiển thị mặt trước của thẻ buộc người học phải huy động kiến thức một cách chủ động để nhớ lại thông tin.

Sau khi người học tự đưa ra câu trả lời, họ sẽ lật mặt sau của thẻ để xem bản phân tích chi tiết và tự so sánh, đánh giá mức độ ghi nhớ của mình.

Cuối cùng, dựa trên kết quả tự đánh giá, người học sẽ cung cấp thông tin phản hồi cho thuật toán SRS bằng cách chọn một trong các mức độ: "Lại" (nếu quên), "Tốt" (nếu nhớ) hoặc "Dễ" (nếu quá quen thuộc). Anki sẽ dựa vào lựa chọn này để quyết định thời điểm tối ưu cho lần ôn tập tiếp theo.



Hình 4. Thẻ học chữ hình thanh với phần biểu âm “青”

Toàn bộ quy trình khép kín này biến việc học chữ Hán từ một quá trình ghi nhớ nặng nề thành một phương pháp ôn tập khoa học, cá nhân hóa và hiệu quả cao, giúp người học không chỉ ghi nhớ mà còn thấu hiểu sâu sắc logic cấu tạo của chữ Hình thanh.

4.2. Thảo luận: Xây dựng mô hình giảng dạy tích hợp công nghệ

Từ kết quả phân tích trên, có thể thấy rõ rằng không có một ứng dụng duy nhất nào là giải pháp toàn diện cho việc dạy và học chữ Hình thanh. Pleco phù hợp trong việc trực quan hóa và phân tích cấu trúc chữ (giai đoạn "nhận thức"), trong khi

Anki là công cụ vượt trội để hệ thống hóa và củng cố kiến thức một cách khoa học (giai đoạn "ghi nhớ"). Sức mạnh thực sự nằm ở việc kết hợp hai công cụ này một cách có chiến lược trong một mô hình giảng dạy tích hợp.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một Mô hình Giảng dạy Tích hợp Công nghệ theo quy trình 3 bước, trong đó các hoạt động sư phạm trên lớp được liên kết chặt chẽ với các hoạt động học tập số hóa do người học chủ động thực hiện. Mô hình này được minh họa qua việc giảng dạy nhóm chữ có chung phần biểu âm “青” (qīng):

Bảng 1. Mô hình giảng dạy tích hợp nhóm chữ Hình thanh có chung phần biểu âm “青”

Giai đoạn	Hoạt động của Giảng viên (Trên lớp)	Hoạt động của Sinh viên (Ứng dụng công nghệ)	Mục tiêu sư phạm
1. Khám phá & Nhận thức	Giảng viên giới thiệu chữ gốc “青”, phân tích vai trò biểu âm. Sau đó trình bày các chữ Hình thanh liên quan như 请, 晴, 清.	Sinh viên được hướng dẫn sử dụng Pleco để tự tra cứu, xem cấu trúc chiết tự và khám phá các chữ khác có cùng Thanh bìa “青”.	Kích thích tư duy phân tích, giúp sinh viên chủ động nhận ra logic cấu tạo chữ.
2. Phân tích & Hướng dẫn	Giảng viên yêu cầu sinh viên trình bày kết quả tra cứu, sau đó giảng giải sâu hơn về sự khác biệt ý nghĩa của từng chữ dựa trên Hình bìa (礻, 日, 氵).	Sinh viên trình bày, thảo luận về những gì đã tìm được trên Pleco.	Chuyển kiến thức do sinh viên tự khám phá thành kiến thức được hệ thống hóa, có sự định hướng của giảng viên.
3. Củng cố & Ghi nhớ	Giảng viên cung cấp bộ thẻ Anki đã được thiết kế sẵn cho nhóm chữ này.	Sinh viên nhập (import) bộ thẻ vào Anki và bắt đầu quá trình ôn tập hàng ngày theo thuật toán lặp lại ngắt quãng.	Biến kiến thức vừa học thành trí nhớ dài hạn một cách khoa học và hiệu quả.

Mô hình này tạo ra một vòng lặp học tập hiệu quả: Pleco được dùng như một công cụ khám phá và phân tích đầu vào, trong khi Anki là công cụ củng cố và ghi nhớ đầu ra. Bằng cách này, công nghệ không chỉ là một công cụ hỗ trợ thụ động, mà trở thành một phần không thể thiếu trong một quy trình sư phạm chủ động, giúp người học không chỉ "biết" chữ Hán, mà còn "hiểu" sâu sắc logic cấu tạo của chúng.

Nghiên cứu này quan niệm tính “tối ưu” không nằm ở việc thay thế hoàn toàn phương pháp giảng dạy truyền thống, mà ở khả năng ứng dụng công nghệ để khắc phục các điểm yếu cố hữu mà phương pháp truyền thống chưa đáp ứng hiệu quả. Mô hình ba bước được đề xuất được xem là “tối ưu” dựa trên các luận cứ sau:

Thứ nhất, tối ưu hóa giai đoạn tiếp nhận. Trong phương pháp truyền thống, người học thường tiếp thu cấu trúc chữ một cách thụ động, chủ yếu thông qua ghi nhớ và chép lại. Ở Giai đoạn 1, nghiên cứu đề xuất sử dụng Pleco như một công cụ trực quan hóa và game hóa quá trình nhận thức chữ Hình thanh, giúp người học chủ động khám phá logic cấu tạo, biến sự trừu tượng của hình - thanh - ý thành trải nghiệm học tập trực quan và có tính tương tác cao.

Thứ hai, tối ưu hóa giai đoạn củng cố. Các hình thức ôn tập truyền thống như chép tay hay làm bài tập lặp lại thường thiếu tính hệ thống và không phù hợp với quy luật ghi nhớ dài hạn. Ở Giai đoạn 3, mô hình đề xuất áp dụng Anki, một ứng dụng dựa trên thuật toán lặp lại ngắt quãng, giúp tối đa hóa hiệu quả củng cố kiến thức và giảm thiểu hiện tượng quên lãng theo thời gian.

Như vậy, khái niệm “tối ưu” trong nghiên cứu này được hiểu là sự tích hợp

thông minh giữa công nghệ và sư phạm, trong đó công nghệ đảm nhận các chức năng mà nó phát huy tốt nhất (trực quan hóa, ghi nhớ theo chu kỳ khoa học), từ đó giải phóng thời gian trên lớp (Giai đoạn 2) để giảng viên có thể tập trung vào phân tích chuyên sâu, định hướng tư duy và tăng cường tương tác cá nhân hóa với người học.

V. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này đã kế thừa các nền tảng lý luận về chữ Hình thanh và phân tích thực trạng giảng dạy để chỉ ra khoảng trống trong việc ứng dụng công nghệ. Bằng việc phân tích sâu hai nền tảng công nghệ tiêu biểu là Pleco và Anki, bài báo đã chứng minh rằng công nghệ có thể giải quyết hiệu quả các thách thức cố hữu trong việc dạy và học chữ Hán ở giai đoạn sơ cấp. Cụ thể, Pleco đóng vai trò là công cụ trực quan hóa, giúp người học nhận diện và phân tích cấu trúc chữ, trong khi Anki là công cụ hệ thống hóa và củng cố kiến thức một cách khoa học.

Kết quả quan trọng nhất của nghiên cứu là đề xuất một Mô hình Giảng dạy Tích hợp Công nghệ, trong đó kết hợp một cách logic giữa hoạt động sư phạm trên lớp và việc sử dụng các ứng dụng số. Mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả ghi nhớ mà còn thúc đẩy tư duy phân tích và khả năng tự học của sinh viên, biến công nghệ thành một bộ phận hữu cơ của quy trình giảng dạy. Nghiên cứu khẳng định rằng, sự kết hợp giữa hiểu biết sâu sắc về bản chất ngôn ngữ và việc ứng dụng công nghệ một cách thông minh chính là chìa khóa của việc giảng dạy tiếng Trung thành công trong kỷ nguyên số.

5.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất các kiến nghị mang tính đồng bộ, hướng đến cả giảng viên và các cơ sở đào tạo. Về phía giảng viên, cần có sự chuyển đổi vai trò từ người truyền đạt kiến thức đơn thuần sang người thiết kế và định hướng các hoạt động học tập số hóa. Điều này đòi hỏi giảng viên phải chủ động cập nhật, tích hợp các công cụ số phù hợp vào giáo án để giúp sinh viên khai thác tối đa tiềm năng công nghệ và cá nhân hóa lộ trình học tập của mình. Để hỗ trợ quá trình này, các cơ sở đào tạo cần đóng vai trò kiến tạo môi trường bằng cách tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời khuyến khích và hỗ trợ giảng viên xây dựng các kho học liệu số dùng chung như các bộ thẻ Anki theo từng giáo trình. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nỗ lực cá nhân của giảng viên và sự hỗ trợ có hệ thống từ nhà trường sẽ tạo ra một hệ sinh thái học tập hiện đại và đồng bộ, phát huy tối đa hiệu quả của việc dạy và học trong kỷ nguyên số.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tương lai

Mặc dù nghiên cứu đã đạt được mục tiêu trọng tâm là xây dựng một mô hình giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và công nghệ, song vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được thừa nhận và khắc phục trong các nghiên cứu tiếp theo.

Thứ nhất, mô hình được đề xuất mới dừng lại ở cấp độ lý thuyết, được xây dựng chủ yếu dựa trên phân tích tính năng và khả năng ứng dụng của các công cụ công nghệ. Nghiên cứu chưa có điều kiện triển khai thử nghiệm sư phạm thực tế (như khảo sát, phỏng vấn, hoặc đánh giá qua bài kiểm tra) để thu thập dữ liệu định lượng và định tính, qua đó kiểm chứng mức độ hiệu quả và tính “tối ưu” của mô hình so với phương pháp truyền thống.

Thứ hai, phạm vi nghiên cứu hiện tại chỉ tập trung vào hai ứng dụng tiêu biểu (Pleco và Anki), trong khi thực tế tồn tại nhiều nền tảng và công cụ công nghệ khác có thể mang lại các góc nhìn và chức năng hỗ trợ đa dạng hơn cho quá trình giảng dạy chữ Hán.

Từ những hạn chế trên, hướng nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào hai phương diện chính. Trước hết, cần tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm sư phạm - chẳng hạn thông qua thiết kế lớp học đối chứng - để đánh giá hiệu quả thực tế của mô hình tích hợp công nghệ, sử dụng phương pháp đo lường định lượng kết hợp phỏng vấn chuyên sâu. Bên cạnh đó, nên mở rộng phạm vi phân tích sang các nền tảng công nghệ mới, đặc biệt là các ứng dụng tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm hoàn thiện khung lý thuyết và nâng cao tính ứng dụng của mô hình trong bối cảnh giảng dạy Hán ngữ hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chen, Y. H., & Li, Y. (2021). Learning Chinese characters in the digital learning room. *Lærervikaren - The Substitute Teacher*, 23(1), 1-19. <https://doi.org/10.7146/spr.v25i68.128434>
- [2]. DeFrancis, J. (1984). *The Chinese language: Fact and fantasy*. University of Hawaii Press. <https://doi.org/10.1515/9780824840303>
- [3]. Gui, L. [桂亮]. (2008). 高等学校外国留学生汉语教学大纲汉字统计与分析 [Master's thesis, Sichuan University].
- [4]. Hao, M., & Shu, H. [郝美玲, & 舒华]. (2005). 声符语音信息在留学生汉字学习中的作用. *心理学报*, (6).
- [5]. Jiang, Q. [江琴]. (2016). 汉语水平词汇与汉字等级大纲甲级形声字结构表意功能分析. *现代语文* (旬刊), (5).
- [6]. Jiang, J. [江玲娟]. (2014). 《博雅汉语》三册的形声字研究 [Master's thesis, Guangxi Normal University].

- [7]. Li, R. [李蕊]. (2005). 对外汉语教学中的形声字表义状况分析. 语言教学与研究, (6).
- [8]. Li, R. [李蕊]. (2008). 声旁规则性对留学生形声字输出能力的影响. 世界汉语教学, (2).
- [9]. Li, Y., Kang, S., et al. [李燕, 康加深, 等]. (1992). 现代汉语形声字研究. 巴蜀书社.
- [10]. Lu, M. [吕金明]. (2023). 现代形声字声符表音功能研究 [Master's thesis, Kashgar University].
- [11]. Pang, D. [庞丹丹]. (2014). 汉语国际教育用音节汉字词汇等级划分形声字表意功能分析 [Master's thesis, Liaoning Normal University].
- [12]. Paz, E. R. (2019). Anki & flashcards: Enhancing long-term memory and self-learning with spaced repetition software. The EUROCALL Review, 27(1), 23-35.
- [13]. Qiu, W. [邱思文]. (2017). 初、中级《发展汉语》形声字调查分析及教学策略研究 [Master's thesis, Jilin University].
- [14]. Shi, G., & Wan, X. [石定果, & 万业馨]. (1998). 关于对外汉字教学的调查报告. 语言文化教学研究集刊.
- [15]. Syam, A. B. (2021). Pleco application as a writing learning media Hanzi language Mandarin. ISCE: Journal of Innovative Studies on Character and Education, 5(2), 116-123. <https://doi.org/10.31004/isce.v5i2.116>
- [16]. Xu, H. [徐彩华]. (2010). 汉字认知与汉字学习心理研究. 北京语言大学出版社.
- [17]. Zhang, C. [张熙昌]. (2007). 形声字声符在汉字教学中的作用. 语言教学与研究, (3).

OPTIMIZING THE TEACHING OF PHONETIC-SEMANTIC COMPOUND CHARACTERS IN THE DIGITAL ERA: A TRANSITION FROM TRADITIONAL THEORIES TO TECHNOLOGICAL APPLICATIONS

Nghiem Thi Thanh Tu¹, Doan Thi Thanh Huong¹

Abstract: *This study aims to optimize the teaching of phonetic-semantic compound characters, which constitute the largest proportion of Chinese characters but pose significant challenges for beginner learners. Utilizing a synthesis and application research method, the paper first systematizes the theoretical foundations of phonetic-semantic compounds and then reviews related literature to identify the research gap in technology application. The findings, based on a feature analysis of two representative applications, Pleco and Anki, demonstrate the role of technology in addressing inherent learning challenges. Specifically, Pleco proves effective for visualizing character structures, while Anki serves as a scientific tool for long-term knowledge reinforcement. Consequently, the study proposes a three-stage integrated teaching model: Discovery with Pleco, In-class Analysis, and Consolidation with Anki. This model is expected to help learners not only memorize but also deeply understand the structural logic of characters. It is also recommended that instructors and educational institutions become more proactive in developing and sharing digital learning resources.*

Keywords: *anki, chinese language teaching, educational technology, phonetic-semantic compounds, Pleco*

¹ Hanoi Open University